

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 22/TC-CTN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 6 năm 1988

THÔNG TƯ

CỦA BỘ TÀI CHÍNH SỐ 22/TC-CTN NGÀY 9-6-1988
VỀ VIỆC THU THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG
ĐÁNH BẮT, NUÔI TRỒNG THỦY SẢN.

Căn cứ vào Pháp lệnh ngày 17-11-1987 của Hội đồng Nhà nước sửa đổi một số điều trong Điều lệ thuế công thương nghiệp và thuế hàng hoá; căn cứ vào điều 13 Nghị định số 9-HĐBT ngày 30-1-1988 của Hội đồng Bộ trưởng hướng dẫn chi tiết thi hành Pháp lệnh nói trên; Quyết định số 347-CT ngày 14-12-1987 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc đẩy mạnh nuôi tôm xuất khẩu.

Để phù hợp với đặc điểm riêng của hoạt động nghề cá sau khi thống nhất với Bộ Thủy sản, Bộ Tài chính quy định về việc thu thuế vào hoạt động đánh bắt, nuôi trồng thủy sản như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG NỘP THUẾ

Tất cả các tổ chức và cá nhân (gồm hợp tác xã, tập đoàn, tổ sản xuất, liên doanh, các tổ chức đoàn thể, các hộ tư nhân, cá thể) làm nghề khai thác, nuôi trồng thủy sản trên sông, biển, ao hồ, hoạt động thường xuyên hay theo mùa vụ, không thuộc diện nộp thuế nông nghiệp hoặc thu quốc doanh, đều phải nộp thuế đánh bắt, nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Thông tư này.

II. CĂN CỨ TÍNH THUẾ

Căn cứ tính thuế là doanh số và thuế suất.

1. Về doanh số. Doanh số (=) sản lượng x giá tính thuế.

a) Sản lượng tính thuế là sản lượng đánh bắt thường niên theo định mức năng suất nghề nghiệp của từng loại phương tiện, thuộc từng ngành nghề, theo từng khu vực. Cơ quan thuế phối hợp với cơ quan thủy sản tham khảo sản lượng của 3 năm kế hoạch, loại trừ những vụ mất mùa, xác định sản lượng định mức, trình Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương quyết định và được ổn định trong thời hạn 3 năm. Trường hợp có sự thay đổi về phương tiện đánh bắt (cỡ loại tàu thuyền, ngư cụ), ngư trường, ngành nghề, tổ chức

kinh doanh làm sản lượng biến động tăng hoặc giảm từ 20% trở lên thì phải xác định lại sản lượng tính thuế.

b) Giá tính thuế: Nếu bán sản phẩm cho Nhà nước thì tính toán theo giá bán cho Nhà nước, nếu bán ra thị trường tự do thì tính theo giá thị trường tự do trong từng thời gian, ở từng khu vực. Do Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương quy định.

2. Về thuế suất:

Việc xác định thuế suất khác nhau giữa các ngành nghề nhằm khuyến khích làm ăn tập thể, khuyến khích nghề khơi, đầu tư mở rộng sản xuất, hạn chế nghề có hại đến nguồn lợi thủy sản và gây cản trở giao thông, chiếu cố những nghề có thu nhập thấp.

Thuế suất đối với hoạt động đánh bắt nuôi trồng thủy sản được quy định như sau:

Số TT	Ngành nghề	Thuế suất trên doanh số	
		Tập thể %	Cá thể %
1	Nghề lưới kéo	6 đến 7	7 đến 8 ³
2	Nghề vỏ mảnh	6 đến 7	7 đến 8 ³
3	Nghề lưới vây	7 đến 8	8 đến 9 ³
4	Nghề lưới rê	7 đến 8	8 đến 9 ³
5	Nghề đăng đáy	8 đến 9	9 đến 10 ³
6	Nghề te, xiệp, chân, đon	8 đến 9	9 đến 10 ³
7	Nghề rung rêu	7 đến 8	8 đến 9 ³
8	Nghề câu	6 đến 7	7 đến 8 ³
9	Nghề bóng	6 đến 7	7 đến 8 ³